



PHỤ LỤC 01

DANH MỤC THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2021 - 2022

(Đính kèm Quyết định số 573/QĐ-SYT ngày 10/9/2021 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng)

Stt	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ - Hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc
Gói số 1 : THUỐC GENERIC																
Nhóm 1																
Tổng mặt hàng : 47 Trị giá : 28.444.647.230																
8.722.407.100																
1	TDP01.01	KEMIVIR 800MG	Aciclovir	800mg	VN-17097-13 (CÓ GIA HẠN)	Uống	Viên	Medochemie Limited (Ampoule Injectable Facility)	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	10.000	12.800	128.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	NHÓM 1
2	TDP01.07	OPXIL IMP 500 mg	Cefalexin	500mg	VD-30400-18	Uống	Viên nang	CN 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	66.000	3.800	250.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAGOPHAR	NHÓM 1
3	TDP01.15	VOLTAREN	Diclofenac	75mg	VN-11972-11 (+ CV GHHL SDK)	Uống	Viên	Novartis Farma S.p.A	Ý	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	194.140	6.185	1.200.755.900	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	NHÓM 1
4	TDP01.17	Dobutamine-hameln 12,5mg/ml	Dobutamin	250mg/20ml	VN-22334-19	Tiêm	Thuốc tiêm	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 5 ống x 20ml	Ống/lọ	19.684	73.500	1.446.774.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	NHÓM 1
5	TDP01.21	5-FLUOROURACIL "EBEWE" 500MG/10ML 1'S	Fluorouracil (5-FU)	500mg/10ml	VN-17422-13	Tiêm	Thuốc tiêm	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nfg.KG	Áo	Hộp 1 lọ 10ml	Lọ	3.000	105.000	315.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	NHÓM 1
6	TDP01.23	HEPARIN	Heparin (natri)	25.000UI/5ml I	VN-15617-12	Tiêm	Thuốc tiêm	Panpharma GmbH (Tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk)	Germany	Hộp 25 lọ x 5ml	Lọ	21.930	199.500	4.375.035.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	NHÓM 1
7	TDP01.28	LAEVOLAC	Lactulose	10g/15ml	VN-19613-16	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch	Fresenius Kabi Austria GmbH.	Austria	Hộp 20 gói 15ml	Gói	81.650	2.688	219.475.200	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐAN	NHÓM 1
8	TDP01.29	METFORMIN STELLA 850MG	Metformin	850mg	VD-26565-17	Uống	Viên	Công ty TNHH LD Stellapharm-Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Viên	929.800	690	641.562.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	NHÓM 1
9	TDP01.34	METHYLERGOMETRINE MALEATE INJECTION 0,2MG - 1ML	Methyl ergometrin maleat	0,2mg/1ml	VN-21836-19	Tiêm	Thuốc tiêm	Panpharma GmbH (Tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk)	Germany	Hộp 10 ống x 1ml	Ống	450	18.900	8.505.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	NHÓM 1

Stt	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần được liệu	Nồng độ - Hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc
10	TĐP01.52	MEDSAMIC 250MG/5ML	Tranexamic acid	250mg/5ml	VN-20801-17	Tiêm	Thuốc tiêm	Medochemie Limited (Ampoule Injectable Facility)	Cyprus	Hộp 2 vi x 5 ống	Ống	7.500	11.200	84.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	NHÓM 1
11	TĐP01.55	ACIDO TRANEXAMICO BIOINDUSTRIA L.I.M	Tranexamic acid	500mg/5ml	VN-20980-18	Tiêm	Thuốc tiêm	Bioindustria L.I.M (Laboratorio Italiano Medicinali) S.p.A	Italy	Hộp 5 ống 5ml	Ống	2.500	21.000	52.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐAN	NHÓM 1

Nhóm 2

5.172.862.000

1	TĐP02.08	Cephalexin PMP 500	Cefalexin	500mg	VD-24958-16	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	Hộp/10vi x 10 viên nang cứng	Viên	393.280	1.450	570.256.000	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	NHÓM 2
2	TĐP02.30	GLUMIFORM 850	Metformin	850mg	VD-27564-17	Uống	Viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 10 vi x 5 viên	Viên	6.426.980	400	2.570.792.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	NHÓM 2
3	TĐP02.46	SULPIRIDE STELLA 50MG	Sulpirid	50mg	VD-25028-16	Uống	Viên nang	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	Viên	1.394.300	500	697.150.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỀN MAI	NHÓM 2
4	TĐP02.49	TEFOSTAD T300	Tenofovir (TDF)	300mg	VD-23982-15 (có CV gia hạn)	Uống	Viên	Công ty TNHH LD Stellapharm-Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	300.000	4.050	1.215.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	NHÓM 2
5	TĐP02.53	TOXAXINE 250MG INJ	Tranexamic acid	250mg/5ml	VN-19311-15	Tiêm	Thuốc tiêm	Dai Han Pharm. Co., Ltd	Korea	Hộp 10 ống	Ống	11.400	7.000	79.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MAI VÀ DƯỢC PHẨM NGỌC THIỆN	NHÓM 2
6	TĐP02.56	TOXAXINE 500MG INJ	Tranexamic acid	500mg/5ml	VN-20059-16	Tiêm	Thuốc tiêm	Daihan Pharm. Co., Ltd	Korea	Hộp 10 ống	Ống	3.020	13.200	39.864.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MAI VÀ DƯỢC PHẨM NGỌC THIỆN	NHÓM 2

Nhóm 3

2.179.035.000

1	TĐP03.09	CEPHALEXIN 500MG	Cefalexin	500mg	VD-18300-13	Uống	Viên nang	CN 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	337.500	2.770	934.875.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAGOPHAR	NHÓM 3
2	TĐP03.42	RISDONTAB 2	Risperidon	2mg	VD-31523-19	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	Viên	81.000	2.415	195.615.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	NHÓM 3

Stt	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần được liệu	Nồng độ - Hàm lượng	GDCLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc
3	TĐP03.50	TEFOSTAD T300	Tenofovir (TDF)	300mg	VD-23982-15 (có CV gia hạn)	Uống	Viên	Công ty TNHH LD Stellapharm-Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	258.900	4.050	1.048.545.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	NHÓM 3
Nhóm 4																
12.294.818.130																
1	TĐP04.02	ACICLOVIR 800MG	Aciclovir	800mg	VD-35015-21	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 05 viên, Viên nén	Viên	285.490	1.138	324.887.620	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	NHÓM 4
2	TĐP04.03	ALVERIN	Alverin citrat	40mg	VD-16685-12	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 15 viên, Viên nén	Viên	5.760.540	138	794.954.520	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	NHÓM 4
3	TĐP04.10	CEPHALEXIN 500mg	Cefalexin	500mg	VD-22534-15	Uống	Viên nang	Vidipha	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	1.833.570	756	1.386.178.920	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	NHÓM 4
4	TĐP04.11	CIPROFLOXACIN KABI	Ciprofloxacin	200mg/100ml	VD-20943-14	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm truyền	Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai 100ml	Chai	82.100	14.963	1.228.462.300	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỀN MAI	NHÓM 4
5	TĐP04.14	DICLOFENAC	Diclofenac	50mg	VD-25528-16	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim tan trong ruột	Viên	1.367.810	103	140.884.430	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	NHÓM 4
6	TĐP04.16	DICLOFENAC 75MG	Diclofenac	75mg	VD-34825-20	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	2.639.270	275	725.799.250	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	NHÓM 4
7	TĐP04.19	ADRENALIN	Epinephrin (adrenalin)	1mg/1ml	VD-27151-17	Tiêm	Thuốc tiêm	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 ống	Ống	171.535	1.300	222.995.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	NHÓM 4
8	TĐP04.20	ZOLMED 150	Fluconazol	150mg	VD-20723-14 (+ CV GHHL SDK)	Uống	Viên	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	70.230	1.600	112.368.000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	NHÓM 4
9	TĐP04.22	BILURACIL 500	Fluorouracil (5-FU)	500mg/10ml	VD-28230-17	Tiêm	Thuốc tiêm	Công ty CP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lọ 10ml dung dịch tiêm	Lọ	7.000	39.984	279.888.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	NHÓM 4
10	TĐP04.25	AGIROFEN 200	Ibuprofen	200mg	VD-32777-19	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Viên	15.000	400	6.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	NHÓM 4

Stt	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ - Hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc
11	TĐP04.27	BIKOZOL	Ketoconazol	2%/5g (20mg/g-5g)	VD-28228-17	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Công ty CP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 5 gam kem bôi da	Tuýp	70.850	3.339	236.568.150	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	NHÓM 4
12	TĐP04.31	MEFOMID 850	Metformin	850mg	VD-27263-17	Uống	Viên	Công ty CP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x10 viên nén bao phim	Viên	11.562.140	231	2.670.854.340	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	NHÓM 4
13	TĐP04.33	METHOTREXAT BIDIPHAR 50MG/2ML	Methotrexat	50mg/2ml	QLĐB-638-17	Tiêm	Thuốc tiêm	Công ty CP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lọ 2ml dung dịch tiêm	Lọ/Ống	1.200	66.990	80.388.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	NHÓM 4
14	TĐP04.35	VINGOMIN	Methyl ergometrin maleat	0,2mg/1ml	VD-24908-16	Tiêm	Thuốc tiêm	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 ống	Ống	1.900	11.550	21.945.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phúc	NHÓM 4
15	TĐP04.37	MISOPROSTOL STELLA 200MCG	Misoprostol	200mcg	VD-13626-10 (có CV gia hạn)	Uống	Viên	Công ty TNHH LD Stellapharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	viên	182.960	4.400	805.024.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	NHÓM 4
16	TĐP04.39	VIFLOXACOL	Ofloxacin	0,3%/5ml (3mg/ml- 5ml)	VD-19493-13	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Vidipha	Việt Nam	Hộp 1 chai 5ml	chai/Lọ	23.620	2.310	54.562.200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	NHÓM 4
17	TĐP04.40	PVP - IODINE 10%	Povidon iodin	10%/20ml	VD-30239-18	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 20ml	Chai/Lọ	12.120	2.940	35.632.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	NHÓM 4
18	TĐP04.41	PROPYLTHIOURACIL	Propylthiouracil (PTU)	50mg	VD-31138-18	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	Hộp 1 lọ 100 viên	Viên	1.294.800	325	420.810.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ	NHÓM 4
19	TĐP04.43	SERNAL	Risperidon	2mg	VD-26503-17	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	539.000	322	173.558.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	NHÓM 4
20	TĐP04.44	COTRIMOXAZOL 480MG	Sulfamethoxazol + trimethoprim	400mg+80m g	VD-24799-16	Uống	Uống	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dẫn	Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 20 viên	Viên	35.000	219	7.665.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DẪN	NHÓM 4
21	TĐP04.47	SULPIRID 50MG	Sulpirid	50mg	VD-26682-17	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên	2.069.160	120	248.299.200	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	NHÓM 4

Stt	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ - Hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc
22	TĐP04.51	Planovir	Tenofovir (TDF)	300mg	VD-28302-17	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	H/3 vỉ/10 viên nén bao phim	viên	1.166.700	1.515	1.767.550.500	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	NHÓM 4
23	TĐP04.54	A.T TRANEXAMIC INJ	Tranexamic acid	250mg/5ml	VD-25638-16	Tiêm	Thuốc tiêm	Công ty cổ phần Dược phẩm an thiện	Việt Nam	hộp 10 ống x 5 ml	Ống	92.850	1.764	163.787.400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIỆN	NHÓM 4
24	TĐP04.57	CAMMIC	Tranexamic acid	500mg/5ml	VD-23729-15	Tiêm	Thuốc tiêm	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 5 ống	Ống	17.750	4.980	88.395.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	NHÓM 4
25	TĐP04.59	Valbivi 0.5g	Vancomycin	500mg	VD-18365-13 (CÓ GIA HẠN)	Tiêm	Thuốc tiêm	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung Uống 1 - Pharbaco	Việt Nam	Hộp 10 lọ	Lọ	17.700	16.800	297.360.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	NHÓM 4

Nhóm 5

75.525.000

1	TĐP05.13	CLOTTRIMAZOL VCP	Clotrimazol	1%/15g	VD-29209-18	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 15g	Tuýp	1.000	12.000	12.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	NHÓM 5
2	TĐP05.36	VINGOMIN	Methyl ergometrin maleat	0,2mg/1ml	VD-24908-16	Tiêm	Thuốc tiêm	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 ống	Ống	5.500	11.550	63.525.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	NHÓM 5

Tổng mặt hàng : **47** Trị giá : **28.444.647.230**

Bằng chữ : Hai mươi tám tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi bảy ngàn, hai trăm ba mươi đồng.